TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 185/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28-9-2018
V/v tranh chấp "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI,TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Vũ Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Được.

2. Ông Tôn Phước Thuận.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Ngô Thị Lắm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 630/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2018 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 169/2018/QĐST - HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Huỳnh Thanh S, sinh năm 1974 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Chị Phạm Thị N (Phạm Thị T), sinh năm 1977 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Huỳnh Thanh S trình bày:

Anh và chị N (T) chung sống với vào năm 1996 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hôn nhân do tự tìm hiểu. Anh chị sống hạnh phúc đến năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong

cuộc sống, nhiều lần cự cãi về vấn đề kinh tế gia đình. Anh chị không còn sống chung từ năm 2014 đến nay không tới lui thăm nhau. Gia đình hai bên không dàn xếp. Nay nhận thấy tình cảm không còn, anh yêu cầu ly hôn với chị N (T).

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Huỳnh Thị Kim M, sinh ngày 22/4/1997 (hiện đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết); cháu Huỳnh Thị Kim Đ, sinh ngày 19/11/2000 và cháu Huỳnh Kim P, sinh ngày 07/02/2006. Hiện cháu Đ và cháu P đang sống chung với chị N (T). Khi ly hôn, anh đồng ý để chị N (T) được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn chị Phạm Thị N (Phạm Thị T) trình bày: Chị thống nhất theo lời trình bày của anh S về thời gian chung sống, thời gian sống hạnh phúc và thời gian không còn sống chung nhưng không đăng ký kết hôn cũng như lý do dẫn đến mâu thuẫn gia đình. Nay anh S yêu cầu ly hôn chị đồng ý.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung tên Huỳnh Thị Kim M, sinh ngày 22/4/1997 (hiện đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết); cháu Huỳnh Thị Kim Đ, sinh ngày 19/11/2000 và cháu Huỳnh Kim P, sinh ngày 07/02/2006. Hiện cháu Đ và cháu P đang sống chung với chị N (T). Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Anh Huỳnh Thanh S khởi kiện chị Phạm Thị N (Phạm Thị T) cư trú ấp L, xã B, huyện C, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Phạm Thị N (Phạm Thị T) có đơn xin vắng mặt tham gia xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị là phù hợp theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về hôn nhân: Anh S và chị N (T) sống chung với nhau vào năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Căn cứ vào Điều 14 Luật hôn gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận anh S và chị N (T) là vợ chồng.

3. Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Huỳnh Thị Kim M, sinh ngày 22/4/1997 (hiện đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết); cháu Huỳnh

Thị Kim Đ, sinh ngày 19/11/2000 và cháu Huỳnh Kim P, sinh ngày 07/02/2006. Hiện cháu Đ và cháu P đang sống chung với chị N (T). Khi ly hôn, anh S đồng ý để chị N (T) được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đ và cháu P. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành lấy ý kiến về nguyện vọng của các cháu thì các cháu có nguyện vọng sống chung với chị N (T) khi ba mẹ ly hôn. Do đó, có căn cứ để chấp nhận nguyện vọng của cháu Đ và cháu P là được sống chung với chị N (T).

4. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị N (Phạm Thị T) không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. *Về tài sản chung:* Không có nên không đề cập giải quyết.

6. Về nợ chung: Không có nên không đề cập giải quyết.

Ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh S và chị N (T) thì anh, chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

7. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Sang phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 14, 53, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 28, 35, 39, 146, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận anh Huỳnh Thanh S và chị Phạm Thị N (Phạm Thị T) là vợ chồng.

Về con chung: Chị Phạm Thị N (Phạm Thị T) được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung tên Huỳnh Thị Kim Đ, sinh ngày 19/11/2000 và cháu Huỳnh Kim P, sinh ngày 07/02/2006.

Chị Phạm Thị N (Phạm Thị T) cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N (T) không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên không đề cập giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh S và chị N (T) thì anh, chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Về án phí: Anh Huỳnh Thanh S phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000101 ngày 28/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Anh S không phải nộp thêm.

Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu./.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Châu Vũ Sơn